

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5612 /UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 9 năm 2018

V/v báo cáo kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017 và phân bổ kinh phí Quý I, II năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 2717 .....
	Ngày: 18.09.18
	Chuyên: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 190/BTC-NSNN ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, và Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017 và tình hình phân bổ kinh phí thực hiện Quý I, II năm 2018, như sau:

1. Kết quả thực hiện năm 2017:

a) Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương năm 2016 chưa sử dụng chuyển sang năm 2017 để hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017 là 37.227 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2017 là 29.459,63 triệu đồng.

c) Kinh phí còn lại chưa sử dụng là 7.767,37 triệu đồng (37.227 triệu đồng – 29.459,63 triệu đồng) do giảm đối tượng. Phần kinh phí giảm này, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã chuyển sang năm 2018 để tiếp tục thực hiện. *(Kinh phí thực chi tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội Quý I, II, III, và tổng hợp cả năm 2017 của từng huyện, thành phố từ Phụ lục 1 đến Phụ lục 4 đính kèm Công văn này).*

2. Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội Quý I, II năm 2018:

Tổng kinh phí đã phân bổ cho các huyện, thành phố Quý I, II năm 2018 là 13.484,04 triệu đồng, từ nguồn kinh phí Trung ương cấp năm 2017 còn thừa chuyển sang năm 2018 là 7.767,37 triệu đồng; từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2018 và nguồn kinh phí của ngân sách tỉnh Quảng Ngãi là 5.716,67 triệu đồng *(chi tiết của từng huyện, thành phố theo Phụ lục 5, 6 đính kèm Công văn này).*


Đối với năm 2017, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giai đoạn 2017-2020. Tuy nhiên, năm 2017 đối với kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội Trung ương bổ sung từ năm 2016 còn thừa chưa sử dụng chuyển sang đảm bảo thực hiện chính sách tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trong năm 2017. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Bộ Tài chính cho phép được sử dụng từ nguồn Trung ương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017.

Kính báo cáo Bộ Tài chính quan tâm, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính,  
Lao động – Thương binh và Xã hội;
- VPUB: PCVP (KT, KGVX),  
KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KT ntha565.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Trường Thọ

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO  
VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**Quý I Năm 2017**



Công văn số **5612** /UBND-KT ngày **17/9/2018** của UBND tỉnh

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang: 37.227 triệu đồng
2. Kinh phí thực nhận quý I năm 2017: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng quý I năm 2017: 37.227 triệu đồng
4. Kinh phí đã sử dụng quý I năm 2017: 7.385,06 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:			Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng dưới 50 KWh)	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	TP. Quảng Ngãi	1.944	1.866	78		284,04
2	Lý Sơn	781	770	11		114,46
3	Bình Sơn	6.278	5.389	889		922,87
4	Sơn Tịnh	2.003	1.245	758		294,44
5	Tư Nghĩa	2.284	1.711	573		335,7
6	Nghĩa Hành	3.668	2.450	1.218		539,2
7	Mộ Đức	4.113	3.286	827		590,99
8	Đức Phổ	3.411	3.119	292		501,42
9	Trà Bồng	3.813	3.741	72		526,19
10	Sơn Hà	7.399	7.251	148		1087,46
11	Sơn Tây	3.042	2.906	136		428,85
	Minh Long	2.015	2.015			296,21
12	Ba Tơ	6.417	6.041	376		943,3
13	Tây Trà	3.537	3.187	53	297	519,94
<b>Tổng cộng</b>		<b>50.705</b>	<b>44.977</b>	<b>5.431</b>	<b>297</b>	<b>7.385,06</b>

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền quý I năm 2017: 50.705 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền quý I năm 2017: 50.705 hộ
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm quý I năm 2017 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO  
VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Quý II Năm 2017



Theo Công văn số 5612/UBND-KT ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh

- Kinh phí được chuyển sang: 29.841,94 triệu đồng
2. Kinh phí thực nhận quý II năm 2017: 0 triệu đồng
  3. Kinh phí được sử dụng quý II năm 2017: 29.841,94 triệu đồng
  4. Kinh phí đã sử dụng quý II năm 2017: 7.389,97 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:			Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng dưới 50 KWh)	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	TP. Quảng Ngãi	1.945	1.867	78		283,84
2	Lý Sơn	778	770	8		113,88
3	Bình Sơn	6.278	5.389	889		919,93
4	Sơn Tịnh	1.872	1.235	637		275,18
5	Tư Nghĩa	2.286	1.711	575		335,99
6	Nghĩa Hành	3.605	2.450	1.155		529,94
7	Mộ Đức	4.078	3.286	792		585,35
8	Đức Phổ	3.922	3.112	810		507,84
9	Trà Bồng	3.801	3.741	60		558,55
10	Sơn Hà	7.380	7.247	133		1.084,86
11	Sơn Tây	3.042	2.906	136		428,85
12	Minh Long	2.058	2.058			302,53
13	Ba Tơ	6.417	6.041	376		943,30
14	Tây Trà	3.537	3.187	53	297	519,94
<b>Tổng cộng</b>		<b>50.999</b>	<b>45.000</b>	<b>5.702</b>	<b>297</b>	<b>7.389,97</b>

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền quý II năm 2017: 50.999 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ ba trăm tám mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền quý II năm 2017: 50.999 hộ
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm quý II năm 2017 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

## KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Quý III Năm 2017



Công văn số ~~5612~~ /UBND-KT ngày ~~17/9~~/2018 của UBND tỉnh

1. Kinh phí được chuyển sang: 22.451,97 triệu đồng
2. Kinh phí thực hiện quý III năm 2017: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng quý III năm 2017: 22.451,97 triệu đồng
4. Kinh phí đã sử dụng quý III năm 2017: 7.354,64 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:			Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng dưới 50 KWh)	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	TP. Quảng Ngãi	1.956	1.878	78		285,31
2	Lý Sơn	782	770	12		114,95
3	Bình Sơn	6.232	5.337	895		916,10
4	Sơn Tịnh	1.861	1.234	627		273,57
5	Tur Nghĩa	2.286	1.711	575		335,94
6	Nghĩa Hành	3.516	2.367	1.149		516,85
7	Mộ Đức	4.045	3.286	759		576,34
8	Đức Phổ	3.448	3.107	341		506,86
9	Trà Bồng	3.797	3.739	58		557,91
10	Sơn Hà	7.340	7.242	98		1.078,98
11	Sơn Tây	3.042	2.906	136		428,85
12	Minh Long	2.036	2.036			299,29
13	Ba Tơ	6.417	6.041	376		943,30
14	Tây Trà	3.540	3.187	56	297	520,38
<b>Tổng cộng</b>		<b>50.298</b>	<b>44.841</b>	<b>5.160</b>	<b>297</b>	<b>7.354,64</b>

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền quý III năm 2017: 50.298 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền quý III năm 2017: 5.298 hộ
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm quý III năm 2016 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO  
VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Năm 2017



Công văn số 5612 /UBND-KT ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh

1. Kinh phí thực hiện chuyển sang: 37.227 triệu đồng
2. Kinh phí thực hiện năm 2017: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng năm 2017: 37.227 triệu đồng
4. Kinh phí đã sử dụng năm 2017: 29.459,63 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:			Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng dưới 50 KWh)	Hộ CSXH (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	TP. Quảng Ngãi	1.950	1.872	78	0	1.138,86
2	Lý Sơn	781	770	11	0	458,10
3	Bình Sơn	6.249	5.363	886	0	3.636,99
4	Sơn Tịnh	1.899	1.236	663	0	1.116,47
5	Tur Nghĩa	2.283	1.711	572	0	1.342,06
6	Nghĩa Hành	3.576	2.408	1.168	0	2.102,39
7	Mộ Đức	4.070	3.286	784	0	2.344,90
8	Đức Phổ	3.557	3.111	446	0	2.022,52
9	Trà Bồng	3.801	3.740	61	0	2.200,38
10	Sơn Hà	7.365	7.246	119	0	4.330,13
11	Sơn Tây	3.042	2.906	136	0	1.715,39
12	Minh Long	2.037	2.037	0	0	1.197,61
13	Ba Tư	6.417	6.041	376	0	3.773,20
14	Tây Trà	3.539	3.187	55	297	2.080,64
<b>Tổng cộng</b>		<b>50.563</b>	<b>3.187</b>	<b>55</b>	<b>297</b>	<b>29.459,63</b>

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền năm 2017: 50.563 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Ba mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu sáu mươi ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền năm 2016: 50.563 hộ

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm năm 2017 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau: 7.767,37 triệu đồng

## KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Quý I Năm 2018



(Kèm theo Công văn số 5612 /UBND-KT ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh)

1. Kinh phí thực hiện trước chuyển sang: 7.767,37 triệu đồng

2. Kinh phí thực nhận Quý I năm 2018: 0 triệu đồng

3. Kinh phí được sử dụng Quý I năm 2018: 7.767,37 triệu đồng

4. Kinh phí đã phân bổ Quý I năm 2018: 7.203,85 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:		Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TP. Quảng Ngãi	1.771	1.536	235	270,96
2	Lý Sơn	666	646	20	101,90
3	Bình Sơn	5.103	4.198	905	780,76
4	Sơn Tịnh	1.791	761	1.030	274,02
5	Tư Nghĩa	2.033	1.353	680	311,05
6	Nghĩa Hành	3.435	1.985	1.450	525,56
7	Mộ Đức	4.631	2.428	2.203	708,54
8	Đức Phổ	2.402	2.028	374	367,51
9	Trà Bồng	2.982	2.861	121	456,25
10	Sơn Hà	6.011	5.461	550	919,68
11	Sơn Tây	2.453	2.317	136	375,31
12	Minh Long	1.276	1.275	1	195,23
13	Ba Tơ	9.255	3.214	6.041	1.416,02
14	Tây Trà	3.275	2.919	356	501,08
<b>Tổng cộng</b>		<b>47.084</b>	<b>32.982</b>	<b>14.102</b>	<b>7.203,85</b>

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý I năm 2018: 47.084 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bảy tỷ hai trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.**

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý I năm 2018: 47.084 hộ

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm năm 2018 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau: 563,52 triệu đồng

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO  
VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**Quý II Năm 2018**



Công văn số 5612 /UBND-KT ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh

1. Kinh phí trước chuyển sang: 563,52 triệu đồng
2. Kinh phí thực nhận Quý II năm 2018: 0 triệu đồng
3. Kinh phí được sử dụng Quý II năm 2018 (bao gồm nguồn cải cách tiền lương của tỉnh và nguồn tại ngân sách tỉnh): 7.763,22 triệu đồng
4. Kinh phí đã phân bổ Quý II năm 2018: 7.763,22 triệu đồng

Số TT	Huyện, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội (hộ)	Trong đó:		Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)
			Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TP. Quảng Ngãi	1.771	1.536	235	270,96
2	Lý Sơn	666	646	20	101,90
3	Bình Sơn	5.120	4.198	922	783,36
4	Sơn Tịnh	1.604	761	843	245,41
5	Tư Nghĩa	2.033	1.353	680	311,05
6	Nghĩa Hành	2.667	1.985	682	408,05
7	Mộ Đức	4.781	2.428	2.353	731,49
8	Đức Phổ	2.454	2.028	426	375,46
9	Trà Bồng	3.287	2.861	426	502,91
10	Sơn Hà	6.011	5.461	550	919,68
11	Sơn Tây	2.453	2.317	136	375,31
12	Minh Long	1.276	1.275	1	195,23
13	Ba Tơ	3.649	3.214	435	558,30
14	Tây Trà	3.275	2.919	356	501,08
<b>Tổng cộng</b>		<b>41.047</b>	<b>32.982</b>	<b>8.065</b>	<b>6.280,19</b>

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý II năm 2018: 41.047 hộ

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu tỷ hai trăm tám mươi triệu một trăm chín mươi ngàn đồng chẵn./.

Trong đó:

- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã nhận tiền Quý II năm 2018: 41.047 hộ
- Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận tiền các năm trước chuyển sang: 0 hộ

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội chưa nhận tiền lũy kế đến cuối năm này: 0 hộ.

5. Kinh phí giảm năm 2018 (nộp trả, giảm khác): 0 triệu đồng

6. Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau: 0 triệu đồng